

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Tel: +84.255.6250905; Fax: +84.255.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

Số: 40/2022/BC-BSGQN

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300338460
- Vốn điều lệ: 450,000,000,000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 450,000,000,000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Số điện thoại: 0255.6250905; Số fax: 0255.6250910
- Website: www.sabecoquangngai.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **BSQ**
- **Quá trình hình thành và phát triển**
 - + Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4300338460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần 5, ngày 12/4/2021.
 - + Ngày 20/9/2007: UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 34121000019 cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi công suất 100 triệu lít/ năm tại Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng mức đầu tư: 1,580,677 triệu đồng.
 - + Năm 2009: Tiến hành đầu tư xây dựng, đến tháng 12/2010 đã hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi công suất 100 triệu lít/ năm.
 - + Năm 2010: Chiết mẻ bia thương mại đầu tiên.
 - + Năm 2013: Đầu tư bổ sung 01 dây chuyền sản xuất bia lon, công suất 33.000 lon/ giờ. Tổng mức đầu tư: 125 tỷ đồng. Việc hoàn thành kịp thời hệ thống sản xuất bia lon và các thiết bị đi kèm đã giúp nhà máy đạt được kế hoạch sản lượng và giảm được rủi ro cho sản xuất. Sau đầu tư, công suất nhà máy có thể khai thác lên 120 triệu lít/ năm.
 - + Năm 2016: Thực hiện đăng ký toàn bộ 45.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM). Mã chứng khoán: BSQ.
 - + Năm 2016: Đầu tư bổ sung tank lên men, hệ thống tiết kiệm năng lượng.
 - + Năm 2019: Đầu tư bổ sung hệ thống chiết bia lon, công suất 60.000 lon/ giờ.

- + Ngày 24/11/2020: Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 1714445463 cho Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm tại Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng mức đầu tư: 535 tỷ đồng.
- + Năm 2021: Triển khai dự án Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm. Tổng mức đầu tư: 535 tỷ đồng. Thời gian hoàn thành dự kiến: trong quý 2/2022.

- Thành tích trong quá trình hoạt động:

- + Năm 2011: Huân chương lao động hạng 3 về thành tích xuất sắc trong công tác đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2012: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2012.
- + Năm 2013: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.
- + Năm 2013: Bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2013.
- + Năm 2013: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2013: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong công tác thu nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2014: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ.
- + Năm 2014: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- + Năm 2014: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2014: Cờ thi đua của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác.
- + Năm 2015: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác.
- + Năm 2015: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- + Năm 2016: Bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế.
- + Năm 2016: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2016: Cờ thi đua của Bộ Công thương về thành tích hoàn thành xuất sắc và toàn diện nhiệm vụ công tác.
- + Năm 2016: Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác, tiêu biểu, dẫn đầu trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2017: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.

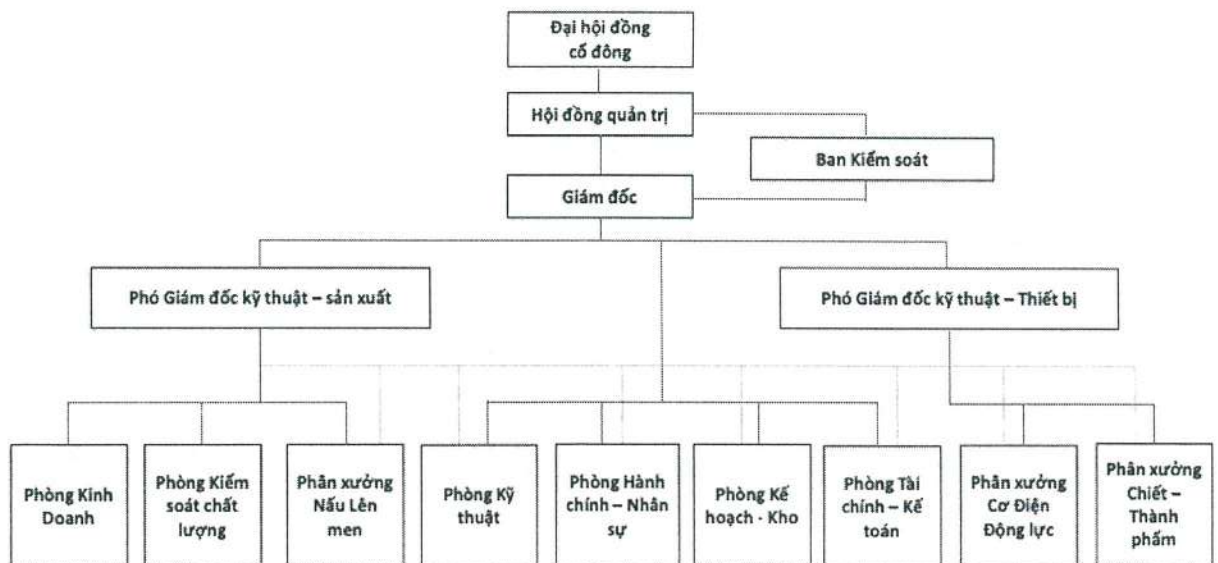
- + Năm 2017: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế.
- + Năm 2018: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2018: Giải thưởng môi trường tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2019: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.
- + Năm 2020: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.
- + Năm 2020: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2020: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2020.
- + Năm 2020: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ thuế 2020.
- + Năm 2021: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong sử dụng nhiều lao động, thực hiện tốt chế độ hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định khác của pháp luật năm 2021.
- + Năm 2021: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ thuế 2021.
- + Năm 2021: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bia.
- Địa bàn kinh doanh: Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Hoàn thành dự án Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm.
 - + Phát triển và mở rộng thị trường bia xuất khẩu.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Phát triển sản lượng Bia Sài Gòn trong nước giai đoạn 2020 - 2025 từ 130 triệu lít bia/ năm lên 250 triệu lít bia/ năm.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
 - + Tăng dần sản lượng sản xuất và tiêu thụ.
 - + Tăng nộp ngân sách địa phương.
 - + Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
 - + Đạt các chỉ tiêu kinh tế ngày càng tăng trưởng.
 - + Nâng cao đời sống cho người lao động.
 - + Chung tay thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- + Sự bùng phát mạnh trở lại của đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2021, cùng với việc áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt hơn nhằm hạn chế và kiểm soát tốc độ lây lan của dịch bệnh của Chính phủ đã ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa, kéo theo sự gián đoạn của các chuỗi cung ứng, gián đoạn sản xuất và tác động lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.
- + Tác động của các quy định hạn chế rượu bia của Chính phủ làm thay đổi thói quen tiêu dùng. Kinh tế giảm sút do ảnh hưởng của dịch bệnh đã làm ảnh hưởng đến hầu hết hoạt động kinh tế của các tầng lớp nhân dân đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Công ty nói riêng và của ngành Bia - Rượu - Nước Giải khát nói chung.
- + Ảnh hưởng lạm phát của kinh tế thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng dẫn đến không đủ nguyên liệu cho sản xuất; Hầu hết giá nguyên nhiên vật liệu, đặc biệt nguyên vật liệu nhập ngoại tăng cao sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào sản lượng giao hàng của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (SABECO).
- + Trên thị trường có nhiều sản phẩm bia, tạo nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng, dẫn đến áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% Tăng trưởng TH 2021/ TH 2020 (+) Tăng; (-) Giảm	% Tăng trưởng TH 2021/ KH 2021 (+) Tăng; (-) Giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,090.61	1,532.34	1,192.11	(+) 9.31%	(-) 22.20%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	107.64	151.66	158.37	(+) 47.13%	(+) 4.43%

Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận thực hiện 2021 tăng so với kế hoạch:

- Tiết giảm chi phí lao động; chi phí hành chính khác.
- Tiết kiệm chi phí năng lượng về điện, hơi bão hòa, nước và nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất.
- Các khoản thu nhập về tài chính thực tế vượt cao so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Bùi Thị Nhự	Giám đốc	1964	Cử nhân Tài chính - Kế toán Thạc sỹ quản trị kinh doanh	0.919%
2.	Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	1967	Kỹ sư khoa học	0.069%
3.	Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc	1968	Kỹ sư điện - tự động hóa Thạc sỹ quản lý kinh tế	0.037%
4.	Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng	1983	Cử nhân kế toán	0.011%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 196.
- Chính sách đối với người lao động: Tiếp tục phát huy tinh thần lao động của các cá nhân lao động giỏi, trung thực nhằm lan tỏa trong toàn Công ty; Đảm bảo thu nhập cho người lao động đạt mặt bằng chung tại khu vực, gắn thu nhập với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn:

Thực hiện Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/năm. Tổng vốn đầu 535 tỷ đồng. Dự kiến hoàn thành toàn bộ Dự án vào Quý II/2022.

- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,177,189,359,506	1,514,876,600,255	29%
Doanh thu thuần	1,090,606,392,692	1,192,152,873,661	9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	116,370,583,564	170,075,788,930	46%
Lợi nhuận khác	922,006,627	1,505,569,318	63%
Lợi nhuận trước thuế	117,292,590,191	171,581,358,248	46%
Lợi nhuận sau thuế	107,640,548,597	158,370,550,112	47%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,241	3,313	48%

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1.06	0.69	
+	Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.87	0.59	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+	Hệ số nợ trên tài sản	%	42.4	49.96	
+	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	%	73.72	99.86	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+	Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/hàng tồn kho bình quân)	Lần	12.7	15.26	
+	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0.93	0.79	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9.87	13.28	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	15.88	20.89	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	9.14	10.45	
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	10.67	14.27	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 45,000,000 cổ phần. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: (theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/8/2021)

- Cổ đông lớn: Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, sở hữu: 29,950,000 cổ phần, chiếm 66.55% tổng số cổ phần của Công ty.

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	709	44,994,900	99.989%
1	Cá nhân	703	11,943,066	26.540%
2	Tổ chức	6	33,051,834	73.449%
II	Cổ đông nước ngoài	4	5,100	0.011%
1	Cá nhân	3	4,600	0.010%
2	Tổ chức	1	500	0.001%
Tổng cộng		713	45,000,000	100.000%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2021
- Malt: 13,154,538 kg.
 - Gạo: 4,394,132 kg.
 - Lon rỗng: 344,188,937 cái.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp;
- Điện: 8,458,924 kw.
 - Hơi bão hòa: 31,154,200 kg.
- b) Các sáng kiến cải tiến góp phần tiết kiệm năng lượng, chi phí sản xuất:

Stt	Sáng kiến	Kết quả
1	Chế tạo rọ lật lon 500	Tiết kiệm chi phí sản xuất
2	Gia công, cải tạo bộ lọc bia đầu vào máy chiết lon Krones	Tiết kiệm chi phí sản xuất
3	Cài đặt, hiệu chỉnh thông số của các máy rửa lon, máy chiết, máy viên và các máy kiểm tra để sản xuất loại lon 500ml có cùng đường kính lon 330ml	Tiết kiệm chi phí sản xuất
4	Gia công để đỡ đầu hút giấy máy định hình thùng	Tiết kiệm chi phí sản xuất
5	Sử dụng các khớp nối phụ để bảo vệ các khớp nối nhanh của máy phân tích bia, máy đo CO2 và máy đo TPO của hãng Antonpaar	Tiết kiệm chi phí sản xuất
6	Nghiên cứu phục hồi các lưới lọc khử mùi cho các tủ hút hóa chất tại phòng KCS	Tiết kiệm chi phí sản xuất
7	Tiết kiệm nước DA + bia loãng tại máy lọc KG	Tiết kiệm nước. Giảm lượng nước thải xả thải
8	Tiết kiệm bia loãng tại máy lọc PVPP	Tiết kiệm bia loãng. Giảm lượng nước thải xả thải
9	Tối ưu hóa quá trình lọc nhằm tiết kiệm Bột trợ lọc, Hóa chất NaOH, HNO3 cho quá trình hoàn nguyên PVPP	Tiết kiệm hóa chất. Tiết kiệm điện, nước, hơi.
10	Tiết kiệm nước nóng 80°C tại công đoạn lạnh nhanh dịch	Tiết kiệm nước. Giảm lượng nước thải xả thải

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước thành phố, từ Công ty Cấp Thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi.
- Lượng nước sử dụng: 394,335m³.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 9,319m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động đến ngày 31/12/2021: 196 người.
 - Mức lương trung bình: 13,870,000 đồng/ người/ tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Công ty tổ chức đầy đủ các khóa đào tạo cho người lao động đảm bảo An toàn lao động, Phòng chống cháy nổ, ATVS thực phẩm, môi trường theo quy định của nhà Nước.
 - Công ty thực hiện chính sách tiền lương - thu nhập gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tổ chức cho cán bộ, công nhân viên tham quan học tập trong và ngoài nước.
 - Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên, trang bị bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn vị trí công việc. Tri ân các ngày lễ lớn; Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: phối hợp tổ chức các ngày phụ nữ, ngày thiếu nhi, giao lưu thể thao văn nghệ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.
- Hoạt động đào tạo người lao động:
 - Tổng số giờ đào tạo trong năm: 4,184 giờ.
 - Tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động nâng cao tay nghề.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Tổng số tiền tham gia công tác xã hội là: 245,421,000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% Tăng trưởng TH 2021/ TH 2020 (+) Tăng; (-) Giảm	% Tăng trưởng TH 2021/ KH 2021 (+) Tăng; (-) Giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,090.61	1,532.34	1,192.11	(+) 9.31%	(-) 22.20%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	107.64	151.66	158.37	(+) 47.13%	(+) 4.43%

Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận thực hiện 2021 tăng so với kế hoạch:

- Tiết giảm chi phí lao động; chi phí hành chính khác.
- Tiết kiệm chi phí năng lượng về điện, hơi bão hòa, nước và nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất.
- Các khoản thu nhập về tài chính thực tế vượt cao so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/2020
Tổng tài sản	Đồng	1,177,189,359,506	1,514,876,600,255	129%
Tài sản ngắn hạn	Đồng	424,061,826,236	437,802,373,092	103%
Tài sản dài hạn	Đồng	753,127,533,270	1,077,074,227,163	143%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/2020
Tổng nợ phải trả	Đồng	499,542,417,903	756,890,699,027	152%
Nợ phải trả ngắn hạn	Đồng	400,357,705,903	633,470,094,227	158%
Nợ phải trả dài hạn	Đồng	99,184,712,000	123,420,604,800	124%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý cung ứng vật tư hàng hóa; quản trị hành chính, tiết giảm lao động.
- Trong năm đã có nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết bị và công nghệ được áp dụng vận hành sản xuất tốt góp phần tiết giảm chi phí sản xuất.
- Với dây chuyền sản xuất khép kín, hiện đại, tự động hóa cao. Công ty sắp xếp tinh gọn bộ phận quản lý sản xuất. Tăng cường chức năng quản lý của các phòng ban, phân xưởng của Công ty để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và tài sản hiện có trong Công ty;
- Quy hoạch và sắp xếp lao động, trả lương theo vị trí công việc, khen thưởng kịp thời đã kích thích, động viên CBCNV phát huy năng lực cá nhân, tập thể có những sáng kiến làm lợi và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCNV ISO 14001:2015; HACCP; Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm BRC phiên bản 8; Tiêu chuẩn quốc gia về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017; Kiểm soát quy trình sản xuất bằng phần mềm MES.
- Lập kế hoạch sản xuất hợp lý để tiết giảm hao năng lượng sản xuất, tiết giảm chi phí.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đẩy mạnh công tác Quảng bá thương hiệu thông qua hiệu ứng hình ảnh: bảng hiệu, pano, ánh sáng, đài phát thanh, truyền hình của tỉnh. Tham gia các hoạt động an sinh xã hội; Phối hợp với các sở ban ngành địa phương tăng tiêu thụ bia tại chỗ.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khai thác thị trường nước ngoài để tăng ngoại tệ thu về.
- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
 - a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Với hệ thống xử lý nước thải được đầu tư hoàn thiện và công nghệ được cải tiến, phong cách thiết kế Nhà máy luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, thể hiện trách nhiệm của Công ty trong việc bảo vệ môi trường.

Duy trì và phát huy việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (như sử dụng hơi đốt bằng trấu) thay cho dầu FO nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường.

Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường thường xuyên và định kỳ để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Phát huy nội lực, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi về chuyên môn, năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai. Quan tâm, chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên, tạo điều kiện làm việc, học tập tốt nhất, đảm bảo ổn định đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn đóng vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, cùng với Tổng Công ty SABECO xây dựng thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”. Công ty hy vọng rằng, với những nỗ lực vì cộng đồng trong những năm qua như xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bão lụt, phong trào đền ơn đáp nghĩa,...và sẽ còn tiếp tục thực hiện cho những năm tiếp theo với những việc làm thiết thực, góp phần cùng xã hội xây dựng một nước Việt Nam phát triển bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- HĐQT đã bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tìm mọi biện pháp và quyết tâm đề xuất lên Ban lãnh đạo Tổng Công ty tháo gỡ khó khăn, trợ giúp về sản lượng tiêu thụ, tài chính, nguyên vật liệu cho hoạt động SXKD. HĐQT Công ty đã kịp thời quyết định trong công tác đầu tư, tháo gỡ được khó khăn cho sản xuất; tạo điều kiện cho Ban Giám đốc chủ động trong quản lý hoạt động sản xuất, đầu tư.
- Các Nghị quyết, quyết định HĐQT ban hành liên quan đến lĩnh vực đầu tư, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty, Tổng Công ty và pháp luật.
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, đoàn thể công ty trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ. Công tác sử dụng cán bộ, đào tạo, quy hoạch cán bộ, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, thu nhập cho người lao động. Tất cả chủ trương, quyết nghị của HĐQT đều được sự đồng thuận nhất trí cao của tất cả thành viên HĐQT nên việc thực hiện kế hoạch SXKD thuận lợi, đạt kết quả cao

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty;

- Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.

- Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của công ty, HĐQT cũng thường xuyên giám sát Ban điều hành, giúp Ban điều hành nhất quán trong việc chỉ đạo SXKD tuân thủ Điều lệ công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Ban điều hành Công ty đã điều hành công ty sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt hiệu quả tốt, ổn định và nâng cao đời sống người lao động, tài chính lành mạnh đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên: chấp hành đúng đắn chủ trương của SABECO, nhà nước, pháp luật, người lao động và lợi ích cổ đông có tăng trưởng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện đúng đường lối, định hướng phát triển Bia Sài Gòn của HĐQT và Ban lãnh đạo SABECO. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của thương hiệu Bia Sài Gòn.
- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; Quản lý sản xuất tốt, quản lý chất lượng sản phẩm; Sử dụng vốn và các nguồn lực hiện có của công ty đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận tối ưu.
- Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đầy đủ, đúng thời gian.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động đạt mặt bằng chung tại khu vực, gắn thu nhập với hiệu quả sản xuất kinh doanh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ % sở hữu
1	Teo Hong Keng	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Bùi Thị Nhựt	Ủy viên HĐQT Giám đốc Công ty	413,450	0.92%
3	Trần Nguyên Trung	Ủy viên HĐQT	300	0.001%
4	Đình Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	950,000	2.11%
5	Văn Thảo Nguyên	Ủy viên HĐQT	0	0%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 05 phiên họp, ban hành 05 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT Công ty thống nhất cao thông qua các Nghị quyết, Quyết định làm cơ sở để chỉ đạo hoạt động của Công ty về các vấn đề chính sau:

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2021;
- Thông qua phương án mua hơi bão hòa từ Công ty TNHH MTV Hà Tân để phục vụ cho công suất sản xuất 250 triệu lít bia/ năm;
- Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu “Hệ thống tái xử lý nước thải, công suất 300 m³/ngày.đêm”;
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021;
- Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu xây dựng số 02: Nhà kho thành phẩm, sân bãi, hạ tầng giao thông, sửa chữa nhà xe và điện chiếu sáng ngoài;
- Thông qua thời gian chi trả cổ tức năm 2020 vào cuối tháng 8/2021;
- Thông qua việc bổ nhiệm bà: Bùi Thị Nhự - thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty - là người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi;
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2021 và 9 tháng đầu năm 2021;
- Thống nhất gia hạn thời gian hoàn thành và đưa vào sử dụng Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm đến tháng 4/2022;
- Thống nhất gia hạn hợp đồng lao động thời hạn 2 năm kể từ ngày 01/10/2021 với chức danh: Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi đối với bà: Bùi Thị Nhự;
- Thông qua kết quả ước thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Thông qua các khoản chi phí phát sinh và chi phí sửa chữa, thay thế về xây dựng và thiết bị đã đầu tư giai đoạn I được quyết toán vào chi phí của Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/năm;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng BKS	11,010	0.02%
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS	0	0%
4	Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên BKS	16,000	0.036%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, các quyết định của Ban điều hành.
- Giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty về công tác quản lý doanh thu, chi phí, giám sát tính pháp lý, ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ, hồ sơ.
- Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành công ty, được nhận các tài liệu thông tin theo qui định của Luật Doanh nghiệp; được Ban Điều hành hành cung cấp tất cả thông tin về các hoạt động kinh doanh của công ty khi Ban kiểm soát có yêu cầu.

- Ban kiểm soát phối hợp với Phòng kế toán để kiểm kê tất cả các tài sản của công ty, Giám sát các qui trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thành phần	ĐVT	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị	Triệu đồng	541.29	-	-
Ban điều hành	Triệu đồng	-	3,796.60	883.16
Ban kiểm soát	Triệu đồng	115.84	314.00	67.35

Chi tiết cấu trúc thu nhập của từng thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị				
1	Teo Hong Keng	Chủ tịch HĐQT	100%		
2	Bùi Thị Nhự	Ủy viên HĐQT	100%		
3	Trần Nguyên Trung	Ủy viên HĐQT	100%		
4	Đình Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	100%		
5	Văn Thảo Nguyên	Ủy viên HĐQT	100%		
II	Ban Điều hành				
1	Bùi Thị Nhự	Giám đốc		81%	19%
2	Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc		81%	19%
3	Thượng Tấn Lục	Phó Giám đốc		81%	19%
4	Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng		81%	19%
III	Ban kiểm soát				
1	Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng BKS		82%	18%
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS	100%		
3	Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên BKS	100%		

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên BKS	25,400	0.056%	16,000	0.036%	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua, ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
01	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Cổ đông lớn	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT Tp. HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	2021	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ 07/4/2021	Mua hàng hóa: 695,65 tỷ đồng
							Bán hàng hóa, dịch vụ: 2.110,29 tỷ đồng
							Cổ tức đã trả: 44,92 tỷ đồng
02	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Người có liên quan của người nội bộ	0303140574 11/01/2006 Sở KHĐT Tp. HCM	12 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	2021	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ 07/4/2021	Mua hàng hóa: 183,39 triệu đồng
							Bán hàng hóa 1,54 tỷ đồng
03	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Người có liên quan của người nội bộ	4300338326 16/03/2006 Sở KHĐT Quảng Ngãi	Số 07 Đường số 1, Khu Công nghiệp An Đồn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	2021	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ 07/4/2021	Mua hàng hóa 838,07 triệu đồng
04	Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương	Người có liên quan của người nội bộ	0300584564 02/06/2004 Sở KHĐT Tp. HCM	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TPHCM	2021		Mua hàng hóa 119,31 triệu đồng
05	Công Ty CP Rượu Bình Tây	Người có liên quan của người nội bộ	0302262756 07/10/2005 Sở KHĐT Tp. HCM	621 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	2021		Mua hàng hóa 105,72 triệu đồng
06	Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Người có liên quan của người nội bộ	3001650260 11/09/2012 Sở KHĐT Hà Tĩnh	Km 12, đường tránh Tp. Hà Tĩnh, Xã Tân Lâm Hương, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	2021		Mua hàng hóa 606,15 triệu đồng

07	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Sabeco	Người có liên quan của người nội bộ	0305815166 25/06/2008 Sở KHĐT Tp. HCM	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	2021		Cung cấp dịch vụ 37 triệu đồng
08	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn – Bình Tây	Người có liên quan của người nội bộ	0304116373 25/11/2005 Sở KHĐT Tp. HCM	08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	2021		Cổ tức đã trả 1,75 tỷ đồng
09	Công ty Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	Người có liên quan của người nội bộ	0100520122 29/07/2016 Sở KHĐT Hà Nội	24 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2020	03/2020/NQ-HĐQT 27/7/2020	Mua tài sản 254 tỷ đồng

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.
- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về tuân thủ quy định và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu VT; PKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Nhựt

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN QUẢNG NGÃI



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007
Đầu tư số 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Thị Nhự
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 2 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 2 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



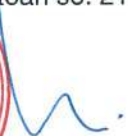
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00326-22-2




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		437.802.373.092	424.061.826.236
Tiền	110	6	52.906.237.842	16.400.170.485
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		278.500.000.000	166.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	278.500.000.000	166.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.639.247.295	164.119.377.265
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	31.900.650.259	35.095.466.541
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.121.822.049	124.541.302.087
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.616.774.987	4.482.608.637
Hàng tồn kho	140	10(a)	66.834.815.803	74.287.500.157
Hàng tồn kho	141		67.657.748.798	74.287.500.157
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(822.932.995)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		922.072.152	2.354.778.329
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		922.072.152	2.354.778.329
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.077.074.227.163	753.127.533.270
Tài sản cố định	220		588.694.799.926	681.499.739.825
Tài sản cố định hữu hình	221	11	588.694.799.926	681.499.739.825
<i>Nguyên giá</i>	222		1.490.592.567.067	1.488.497.902.470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(901.897.767.141)	(806.998.162.645)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		423.000.000	423.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(423.000.000)	(423.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		454.434.228.253	2.216.320.512
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	454.434.228.253	2.216.320.512
Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	30.000.000.000	60.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.945.198.984	9.411.472.933
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.858.017.449	4.308.305.083
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		953.969.994	809.510.339
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	1.133.211.541	4.293.657.511
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.514.876.600.255	1.177.189.359.506

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		756.890.699.027	499.542.417.903
Nợ ngắn hạn	310		633.470.094.227	400.357.705.903
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14(a)	153.976.563.987	15.743.532.585
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.126.673.122	55.093.885
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	141.224.301.119	129.836.044.140
Phải trả người lao động	314		6.675.450.270	9.115.684.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	9.910.282.883	9.568.999.006
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.573.404.988	11.193.085.406
Vay ngắn hạn	320	18	293.814.235.366	216.179.407.236
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	11.169.182.492	8.665.859.293
Nợ dài hạn	330		123.420.604.800	99.184.712.000
Phải trả người bán dài hạn	331	14(b)	123.420.604.800	99.184.712.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		757.985.901.228	677.646.941.603
Vốn chủ sở hữu	410	20	757.985.901.228	677.646.941.603
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		271.385.650.956	191.046.691.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		122.493.100.844	90.184.319.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		148.892.550.112	100.862.371.812
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.514.876.600.255	1.177.189.359.506

Ngày 15 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Như
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	1.193.999.879.299	1.091.152.337.814
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1.847.005.638	545.945.122
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	1.192.152.873.661	1.090.606.392.692
Giá vốn hàng bán	11	26	1.020.071.787.404	943.534.996.577
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		172.081.086.257	147.071.396.115
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	30.091.499.609	10.090.598.994
Chi phí tài chính	22	28	11.335.396.391	18.150.845.347
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.815.408.815	6.490.478.675
Chi phí bán hàng	25	29	8.522.981.446	9.640.986.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	12.238.419.099	12.999.579.968
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		170.075.788.930	116.370.583.564
Thu nhập khác	31		4.215.446.991	3.589.724.753
Chi phí khác	32		2.709.877.673	2.667.718.126
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.505.569.318	922.006.627
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		171.581.358.248	117.292.590.191
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	13.355.267.791	9.971.087.765
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(144.459.655)	(319.046.171)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		158.370.550.112	107.640.548.597
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.313	2.241

Ngày 15 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		171.581.358.248	117.292.590.191
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		94.956.573.487	91.658.187.765
Các khoản dự phòng	03		1.879.049.556	4.198.449.040
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(15.880.960.328)	10.761.403.382
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(13.519.778.352)	(10.029.611.296)
Chi phí lãi vay	06		10.815.408.815	6.490.478.675
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		249.831.651.426	220.371.497.757
Biến động các khoản phải thu	09		14.748.331.802	7.992.838.070
Biến động hàng tồn kho	10		8.734.080.768	32.913.420.951
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		22.382.871.995	41.687.488.070
Biến động chi phí trả trước	12		3.030.199.135	(998.899.531)
			298.727.135.126	301.966.345.317
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.731.155.177)	(6.346.883.135)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.898.153.876)	(9.912.567.748)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.828.267.288)	(9.058.831.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		269.269.558.785	276.648.062.839
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(174.501.241.202)	(143.599.198.015)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	216.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(327.000.000.000)	(322.100.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		245.400.000.000	139.200.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		12.048.582.190	7.621.810.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(244.052.659.012)	(318.661.387.816)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2021	2020
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		1.128.055.038.622	859.810.461.124
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.050.420.210.492)	(735.346.521.888)
Tiền chi trả cổ tức	36		(66.319.773.000)	(79.656.110.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.315.055.130	44.807.828.536
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		36.531.954.903	2.794.503.559
Tiền đầu năm	60		16.400.170.485	13.615.200.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(25.887.546)	(9.533.592)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	52.906.237.842	16.400.170.485

Ngày 15 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người/duyet:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 196 nhân viên (1/1/2021: 196 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 195.668 triệu VND. Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 18). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 136.186 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

120
IN
GT
P
101

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	129.562.498	175.325.801
Tiền gửi ngân hàng	52.776.675.344	16.224.844.684
	<hr/>	<hr/>
	52.906.237.842	16.400.170.485

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,9% đến 5,4% một năm (1/1/2021: từ 5,6% đến 6,7% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị là 126.500 triệu VND (1/1/2021: 34.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) và các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 14(b)).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 4,9% một năm (1/1/2021: từ 5,5% đến 6,1% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị là 30.000 triệu VND (1/1/2021: 60.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.639.469.383	27.088.991.479
International Consolidated Business Pty Ltd	8.090.809.650	4.710.717.648
Các khách hàng khác	1.170.371.226	3.295.757.414
	31.900.650.259	35.095.466.541

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị là 31.901 triệu VND (1/1/2021: 35.095 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.639.469.383	27.088.991.479

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	-	76.200.000.000
Krones AG	-	32.270.568.010
Các nhà cung cấp khác	1.121.822.049	16.070.734.077
	1.121.822.049	124.541.302.087

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 885 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2021: 113.058 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	214.850.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	18.758.357.016	-	31.094.934.125	-
Công cụ và dụng cụ	6.303.324.790	(822.932.995)	3.125.488.147	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	21.216.807.533	-	19.111.445.183	-
Thành phẩm	21.158.448.559	-	20.856.539.082	-
Hàng hóa	5.960.900	-	99.093.620	-
	67.657.748.798	(822.932.995)	74.287.500.157	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 66.835 triệu VND (1/1/2021: 74.288 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2020: Không).

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	12.927.700.555	(11.794.489.014)	15.032.029.964	(10.738.372.453)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	10.738.372.453	6.539.923.413
Dự phòng trích lập trong năm	1.843.982.209	5.617.211.683
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(787.865.648)	(1.418.762.643)
Số dư cuối năm	11.794.489.014	10.738.372.453

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	268.164.503.860	1.210.451.647.897	8.677.574.119	659.276.541	544.900.053	1.488.497.902.470
Tăng trong năm	-	-	-	127.245.455	-	127.245.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.024.388.133	-	-	-	-	2.024.388.133
Xóa sổ	-	-	-	(56.968.991)	-	(56.968.991)
Số dư cuối năm	270.188.891.993	1.210.451.647.897	8.677.574.119	729.553.005	544.900.053	1.490.592.567.067
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	101.685.523.806	696.537.873.705	7.768.725.275	646.726.027	359.313.832	806.998.162.645
Khấu hao trong năm	11.754.150.284	82.731.917.130	427.024.527	12.550.514	30.931.032	94.956.573.487
Xóa sổ	-	-	-	(56.968.991)	-	(56.968.991)
Số dư cuối năm	113.439.674.090	779.269.790.835	8.195.749.802	602.307.550	390.244.864	901.897.767.141
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	166.478.980.054	513.913.774.192	908.848.844	12.550.514	185.586.221	681.499.739.825
Số dư cuối năm	156.749.217.903	431.181.857.062	481.824.317	127.245.455	154.655.189	588.694.799.926

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 16.196 triệu VND (1/1/2021: 15.308 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.101 triệu VND (1/1/2021: 15.544 VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) (1/1/2021: giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các khoản trả chậm cho người bán của Công ty lần lượt là 15.544 triệu VND (Thuyết minh 18) và 112.632 triệu VND (Thuyết minh 14(b))).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.216.320.512	24.541.679.935
Tăng trong năm	454.242.295.874	110.745.932.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.024.388.133)	(130.512.907.547)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.558.384.019)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	454.434.228.253	2.216.320.512

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 3.766 triệu VND (2020: Không).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án mở rộng sản xuất	454.205.653.793	1.241.486.284
Các công trình khác	228.574.460	974.834.228
	<hr/>	<hr/>
	454.434.228.253	2.216.320.512

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.182.547.511	125.757.572	4.308.305.083
Phân bổ trong năm	(2.324.530.062)	(125.757.572)	(2.450.287.634)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.858.017.449	-	1.858.017.449

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán ngắn hạn****(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Krones AG (*)	91.446.136.000	-
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	45.734.740.721	-
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	4.093.754.709	5.463.544.988
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	2.660.790.712
Các nhà cung cấp khác	12.701.932.557	7.619.196.885
	<u>153.976.563.987</u>	<u>15.743.532.585</u>

(*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	2.660.790.712
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	111.617.371	470.618.500
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	118.156.500	61.380.000
	<u>229.773.871</u>	<u>532.000.000</u>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải trả người bán dài hạn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Krones AG	123.420.604.800	99.184.712.000
	<u>123.420.604.800</u>	<u>99.184.712.000</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Phải trả ngắn hạn và dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 96.000 triệu VND (Thuyết minh 7(a)) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Thuyết minh 7(b)) (1/1/2021: đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 60.000 triệu VND (Thuyết minh 7(b)) và bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 112.632 triệu VND (Thuyết minh 11)).

Tổng chi phí lãi trả chậm đối với khoản phải trả dài hạn cho Krones AG đến ngày thanh toán là 5.473 triệu VND (1/1/2021: 2.559 triệu VND). Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn sẽ được thanh toán lần lượt vào tháng 10 năm 2022 và năm 2024.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	111.473.893.188	1.032.086.749.655	(1.020.314.519.662)	123.246.123.181
Thuế giá trị gia tăng	14.252.006.554	213.606.332.668	(214.600.273.790)	13.258.065.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.938.702.957	13.355.267.791	(11.898.153.876)	4.395.816.872
Thuế thu nhập cá nhân	1.171.441.441	1.745.899.004	(2.593.044.811)	324.295.634
Các loại thuế khác	-	6.563.011.496	(6.563.011.496)	-
	129.836.044.140	1.267.357.260.614	(1.255.969.003.635)	141.224.301.119

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	8.892.371.925	8.660.912.963
Thù lao Hội đồng Quản trị	46.000.000	105.130.527
Chi phí khác	971.910.958	802.955.516
	9.910.282.883	9.568.999.006

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	10.364.118.500	9.183.891.500
Phải trả khác	4.209.286.488	2.009.193.906
	14.573.404.988	11.193.085.406

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong năm	31/12/2021
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND / Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	216.179.407.236	1.128.055.038.622	293.814.235.366

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	4,5%	194.291.999.211	50.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	USD	3,0%	-	60.193.452.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	4,5%	99.522.236.155	69.985.955.236
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)	VND	4,5%	-	35.500.000.000
			293.814.235.366	216.179.407.236

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 10.611 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 57.731 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)) và bằng phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 31.901 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 35.095 triệu VND) (Thuyết minh 8(a)).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 30.500 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 34.500 triệu VND) (Thuyết minh 7(a)).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 56.224 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 16.557 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)) và bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.101 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 15.544 triệu VND) (Thuyết minh 11). Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty có hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“MB”) – Chi nhánh Quảng Ngãi với hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của MB tại ngày giải ngân. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	8.665.859.293	12.293.791.779
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	1.053.590.487	(1.064.216.556)
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	9.278.000.000	6.678.176.785
Sử dụng trong năm	(7.828.267.288)	(9.241.892.715)
Số dư cuối năm	<u>11.169.182.492</u>	<u>8.665.859.293</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	450.000.000.000	36.600.250.272	156.620.102.963	643.220.353.235
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	107.640.548.597	107.640.548.597
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	1.064.216.556	1.064.216.556
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.678.176.785)	(6.678.176.785)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	450.000.000.000	36.600.250.272	191.046.691.331	677.646.941.603
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	158.370.550.112	158.370.550.112
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(1.053.590.487)	(1.053.590.487)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(9.278.000.000)	(9.278.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	450.000.000.000	36.600.250.272	271.385.650.956	757.985.901.228

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 6 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2020 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu (2020: 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019). Khoản cổ tức này đã được trả cho các cổ đông từ ngày 1 tháng 9 năm 2021 theo thông báo số C375/2021-BSQ/VSD-DK ngày 24 tháng 8 năm 2021.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.202.820.654	1.697.578.275
Từ hai đến năm năm	8.271.282.615	6.790.313.099
Sau năm năm	43.883.119.956	37.723.444.892
	<hr/>	<hr/>
	54.357.223.225	46.211.336.266
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	33	833.118	244.679	5.627.237.309
EUR	183.990	4.169.304.635	682	19.199.880
		<hr/>		<hr/>
		4.170.137.753		5.646.437.189
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	52.025.560.163	348.889.111.987
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.185.389.280.651	1.083.417.465.654
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>2.217.467.817.418</i>	<i>1.988.375.790.511</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.032.078.536.767</i>	<i>904.958.324.857</i>
▪ Bán phế liệu	8.610.598.648	7.734.872.160
	<hr/>	<hr/>
	1.193.999.879.299	1.091.152.337.814
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.847.005.638	545.945.122
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.192.152.873.661	1.090.606.392.692

26. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.018.192.737.848	939.336.547.537
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	1.879.049.556	4.198.449.040
	<hr/>	<hr/>
	1.020.071.787.404	943.534.996.577

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	13.519.778.352	9.813.611.296
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.880.960.328	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	690.760.929	276.987.698
	<hr/>	<hr/>
	30.091.499.609	10.090.598.994

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí tài chính**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.815.408.815	6.490.478.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	519.987.576	898.963.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.761.403.382
	<hr/>	<hr/>
	11.335.396.391	18.150.845.347
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí bán hàng

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.140.480.780	7.251.663.014
Chi phí nhân viên	1.912.163.236	1.931.348.630
Chi phí bán hàng khác	470.337.430	457.974.586
	<hr/>	<hr/>
	8.522.981.446	9.640.986.230
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.923.096.200	8.756.177.708
Chi phí khấu hao	973.352.931	1.036.702.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	659.324.490	1.122.579.069
Chi phí quản lý khác	2.682.645.478	2.084.121.155
	<hr/>	<hr/>
	12.238.419.099	12.999.579.968
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

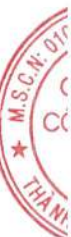
	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	877.333.772.333	780.940.784.589
Chi phí khấu hao và phân bổ	94.956.573.487	91.658.187.765
Chi phí nhân công và nhân viên	45.881.771.890	41.989.852.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.338.506.626	17.847.835.725
Chi phí khác	7.966.143.851	4.521.375.484

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	13.135.799.784	9.206.932.961
Dự phòng thiếu trong những năm trước	219.468.007	764.154.804
	13.355.267.791	9.971.087.765
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(144.459.655)	(319.046.171)
	13.210.808.136	9.652.041.594

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	171.581.358.248	117.292.590.191
Thuế theo thuế suất của Công ty	25.737.203.737	17.593.888.529
Chi phí không được khấu trừ thuế	519.370.771	819.977.514
Ưu đãi thuế	(13.265.234.379)	(9.525.979.253)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	219.468.007	764.154.804
	13.210.808.136	9.652.041.594



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b, Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/22C7/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	158.370.550.112	107.640.548.597
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.278.000.000)	(6.778.176.785)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	149.092.550.112	100.862.371.812

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	2.104.334.440.867	1.854.449.530.260
Mua nguyên vật liệu	700.565.966.296	600.452.592.058
Cổ tức	44.925.000.000	44.925.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức	1.750.000.500	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	838.065.110	821.827.400
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	183.399.337	427.835.000
Mua công cụ và dụng cụ	1.549.855.576	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	105.724.000	362.700.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	105.724.000	121.200.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	119.306.510	87.801.542
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	37.000.000	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Teo Hong Keng – Chủ tịch	120.000.000	357.047.060
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	84.000.000	166.621.961
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	84.000.000	166.621.961
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	84.000.000	166.621.961
Ông Văn Thảo Nguyễn – Thành viên	84.000.000	166.621.961
Ban Giám đốc		
Thu nhập	3.274.552.200	4.730.020.360

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng Ban	383.345.400	508.456.095
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	48.000.000	119.015.687
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	48.000.000	119.015.687

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021 VND	2020 VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	262.112.914.919	99.210.072.000

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 15 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc